

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 159/2025/HS-ST.

Ngày: 20/3/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Đồi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng;

Ông Nguyễn Cửu Long.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Kim Anh – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn K – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hình sự thụ lý số: 11/2025/TLST-HS ngày 08/01/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST-HS ngày 12/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 858/2025/QĐST-HS ngày 21/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 912/2025/QĐST-HS ngày 07/03/2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Quang B**, sinh năm 1992 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú: 306 đường L, Khu phố A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi ở hiện tại: Lô A Khu dân cư B, Tổ A, Khu phố D, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Tư vấn viên thẩm mỹ; Cha tên Nguyễn Văn B1 (chết), Mẹ tên Phạm Thị Phương T (sinh năm 1974); bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/11/2023 tại Trại tạm giam C – Phân trại tạm giam Khu vực thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

2. Họ và tên: **Trương Ngọc H**, sinh năm 1995 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi thường trú: 462/32/6 đường N, Tổ dân phố B, Khu phố A, Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: 173/3 Đường A, Tổ C, Khu phố D, phường

T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Cha tên Trương Ngọc Đ (sinh năm 1970), Mẹ tên Nguyễn Thị P (sinh năm 1968); vợ tên Nguyễn Thị Ngọc C, có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/11/2023 tại Trại tạm giam C – Phân trại tạm giam Khu vực thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

3. Họ và tên: **Nguyễn Thị Ngọc C**, sinh năm 1992 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 71 Đường D, Khu phố D, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: 173/3 Đường A, Tổ C, Khu phố D, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Cha tên Nguyễn Kỳ D (sinh năm 1962), Mẹ tên Trần Thị T1 (sinh năm 1964); có chồng tên Trương Ngọc H, có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/11/2023 tại Trại tạm giam C – Phân trại tạm giam Khu vực thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

4. Họ và tên: **Tăng Thiên H1**, sinh năm 1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: A đường N, Tổ dân phố C, Khu phố A, Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: 173/3 Đường A, Tổ C, Khu phố D, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Phật; giới tính: Nữ; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; Cha tên Tăng T2 (chết), Mẹ tên Trần Thị B2 (sinh năm 1963); chồng tên Nguyễn Thành T3, có 02 người, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/11/2023 tại Trại tạm giam C – Phân trại tạm giam Khu vực thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

5. Họ và tên: **Cao Thanh H2**, sinh năm 1980 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 1 Đường số A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: 1 Đường số A, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Không; Cha tên Cao Thành L (sinh năm 1954), Mẹ tên Phạm Thị Kim Y (sinh năm 1957); bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án số 347/2006/HS-ST ngày 24/3/2006. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 24/10/2024 tại Trại tạm giam C – Phân trại tạm giam Khu vực thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Ngọc C và Trương Ngọc H là vợ chồng, sống cùng dãy nhà liền kề địa chỉ 173/3 Đường A, Khu phố D, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh với Tăng Thiên H1 nên có mối quan hệ bạn bè. Thông qua H1, C và H cũng quen biết với Nguyễn Quang B là bạn của H1.

Trưa ngày 22/10/2023, C, H đến nhà của H1 ăn đám giỗ, khoảng 17 giờ thì cả 03 người tiếp tục đến quán ốc trên đường T, phường L, thành phố T thì lúc này Nguyễn Quang B được H1 rủ đến nhậu cùng. Cả nhóm nhậu đến khoảng 20 giờ 40 phút cùng ngày thì H1 rủ B, C, H đi nhậu tiếp tại quán B đường Đ, phường B, thành phố T do có Cao Thanh H2 là bạn của H1 làm quản lý ở đây. H1 liên lạc với H2 đặt bàn và khi đến quán được H2 dẫn vào Bàn Vip10 ngồi. H1 gọi combo uống bia và sử dụng S, B đặt thêm set 10 bóng cười. Sau khi sử dụng Shisha và bóng cười, B hưng phấn nên muốn mua thêm ma túy sử dụng nên hỏi C và H mua “thuốc lắc” và “ma túy khay” về sử dụng; C, H nói không có tiền mua ma túy thì B nói để B lo tiền. B hỏi H có biết chỗ mua ma túy không thì H nói không biết, B nói để B hỏi H2, lúc này H1 say rượu nên nằm ngủ trên ghế.

B khai: B đến hỏi H2 có biết chỗ lấy ma túy “khay và thuốc lắc không” thì H2 nói: “một viên thuốc lắc giá 350.000 đồng, một chাম ma túy khay giá 1.100.000 đồng”, B đồng ý. Sau đó, H2 bỏ đi đâu không rõ rồi quay lại đưa B 01 (một) viên thuốc lắc, B nhận thuốc lắc liền đưa cho C rồi đi ra ngoài đến nhà của chị T4 ở phường T, thành phố T mượn 1.000.000 đồng (gồm 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng). Khoảng 20 phút sau, B quay lại Bàn V, C đưa B viên thuốc lắc trước đó rồi bẻ thành nhiều mảnh, B uống trước một mảnh rồi đưa C một mảnh khác, C đưa mảnh thuốc lắc cho H sử dụng. B tiếp tục đưa mảnh khác cho C thì C nhét vào miệng H1 đang nằm ngủ, nhưng H1 lắc đầu không uống rồi phun ra. B đưa C mảnh thuốc lắc khác để C sử dụng, cả nhóm đã sử dụng hết 01 viên thuốc lắc. Sau đó, khi C đang ngồi, B gọi C đến và lấy trong túi quần của B 02 (hai) tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, rồi lấy trong bóp tiền của B 01 (một) tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, tổng cộng 1.500.000 đồng đưa cho C nói C đưa cho H2. Khi C vừa cầm tiền của B để chuẩn bị đưa cho H2 thì bất ngờ H2 đến chỗ B đứng sau lưng C. B thấy H2 đến nên lấy tiền lại trên tay C đưa cho H2 rồi nhận của H2 một gói nylon chứa ma túy dạng Ketamine. H2 đưa ma túy xong thì bỏ đi, B đưa gói ma túy Ketamine cho C nói “nè bà” nhằm mục đích đưa C đi nấu ma túy. Khi quay lại bàn, C ngồi kế H1, Châu định đổ Ketamine cho H1 sử dụng nhưng H1 từ chối nên C đổ Ketamine lên mu bàn tay của B để B sử dụng trước, lúc sau C đổ Ketamine lên mu bàn tay của H, nhưng do C đổ nhiều Ketamine nên C cúi người xuống hít một ít Ketamine trên tay H, số Ketamine còn lại thì H tự hít sử dụng. Sau đó, C đưa tờ tiền 1.000 đồng đựng ma túy Ketamine cho H

giữ. Lúc sau B hỏi H Ketamine đâu thì H chỉ cho B gói thuốc lá đựng tờ tiền chứa ma túy “khay” cho B thấy. H lấy ma túy đổ lên mu bàn tay của B để B sử dụng được 03 (ba) lần và đổ lên mu bàn tay của H1, để H1 đưa qua cho C sử dụng một lần. Sau đó, khi công an vào quán kiểm tra thì H cầm gói thuốc lá hiệu SAIGON SILVER có đựng tờ tiền 1.000 đồng chứa ma túy Ketamine giấu xuống dưới ghế nơi H ngồi.

Đến 00 giờ 00 phút ngày 23/10/2023, Tổ công tác Công an thành phố T vào quán kiểm tra hành chính phát hiện thu giữ vỏ gói thuốc lá hiệu SAIGON SILVER có đựng tờ tiền 1.000 đồng chứa ma túy “khay” dưới ghế nơi B và H ngồi, đưa các đối tượng về làm việc, đồng thời thu giữ hình ảnh dữ liệu camera liên quan đến vụ án trên.

Kết quả giám định số 11917/KL-KTHS ngày 31/10/2023 của Phòng K1 Công an Thành phố H, kết luận: Chất bột màu trắng dính trong 01 tờ tiền giấy mệnh giá 1.000 đồng để trong 01 bao thuốc lá hiệu SAIGON SILVER là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,0081gam, loại Ketamine.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trưng cầu Phòng K1 - Công an Thành phố H tiến hành giám định đoạn dữ liệu video clip thu giữ được tại Bàn Vip10 vào ngày 22/10/2023 (trong các khung giờ từ 20 giờ 56 phút đến 20 giờ 58 phút; khung giờ từ 21 giờ 14 phút đến 21 giờ 17 phút; khung giờ từ 22 giờ 08 phút đến 22 giờ 10 phút) và giám định bổ sung đoạn dữ liệu video clip thu giữ được tại Bàn Vip10 vào ngày 22/10/2023 (trong các khung giờ từ 20 giờ 56 phút đến 20 giờ 58 phút; khung giờ từ 21 giờ 14 phút đến 21 giờ 17 phút). Kết luận giám định số 13169/KL-KTHS ngày 29/12/2023 của Phòng K1 Công an Thành phố H, kết luận: Toàn bộ tập tin gửi đến giám định không phát hiện dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa hình ảnh. Kết luận giám định số 997/KL-KTHS ngày 22/01/2024 của Phòng K1 - Công an Thành phố H kết luận: Đối với các tập tin video clip gửi giám định để xác định hành vi của các đối tượng xuất hiện trong các đoạn video clip thì không đủ cơ sở để xác định hành vi của các đối tượng do chất lượng hình ảnh kém, độ phân giải thấp, hình ảnh mờ nhòe, ánh sáng yếu, bị che khuất bởi người và vật nên không quan sát rõ được hành vi của các đối tượng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T:

- C, H và H1 khai nhận về mối quan hệ, diễn biến quá trình từ khi nhậu đến khi đặt bàn với H2 như nội dung vụ án trên, đồng thời lời khai của C, H, H1 phù hợp với lời khai của B về cách thức sử dụng trái phép chất ma túy tại B. Tuy nhiên, C, H, H1 không trực tiếp nhìn thấy H2 đưa ma túy cho B và xác nhận có thời điểm B ra ngoài lấy tiền.

- H2 khai nhận: H2 là cộng tác viên và kiêm quản lý của quán B3, công việc của H2 là giới thiệu khách đến quán chơi rồi hưởng phần trăm hoa hồng trên bill của khách. H2 cũng có quyền điều động nhân viên phục vụ khách. Ngày 22/10/2023, H1 gọi cho H2 nhờ H2 đặt bàn chơi với bạn tại quán B3. H2 dẫn H1, C, H, B vào ngồi Bàn Vip10. Do H2 là quản lý và dẫn khách vào quán nên H2 thường đến Bàn Vip10 để cụng ly với mọi người. H2 khai nhận trong quá trình quản lý Bàn Vip10 thấy C có bẻ thuốc lắc nhét vào miệng H1 nhưng H1 nhổ ra, C tiếp tục lấy mảnh thuốc lắc tự uống, do sợ làm mất lòng H1 nên H2 không ngăn cản nhóm bạn của H1 sử dụng ma túy. Sau đó H2 thấy C đứng có hành động xoay tay thì H2 nghĩ C hỏi tiền bàn hết bao nhiêu, H2 không trả lời liền, chỉ nghĩ tiền bàn khoảng 1.500.000 đồng rồi H2 đi vệ sinh thì C đi theo hỏi H2: Tiền “đồ” 1.500.000 đồng đủ không anh? H2 nói không có tiền “đồ” gì hết rồi nói C quay về bàn. Lúc này, H2 lấy khăn giấy gấp gọn rồi quay lại bàn thì thấy C, B đang đứng nói chuyện, H2 đi đến đưa khăn giấy cho B, B đưa 1.500.000 đồng (gồm 03 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng), H2 nói tiền này để lát tính vào tiền bàn nha. Sau đó H2 đi đến cửa quán thì gặp P1, đưa 1.500.000 đồng nói Bàn Vip10 đưa thanh toán tiền bàn trước một phần. Sau đó, H2 quay lại Bàn Vip10 thì thấy C cầm tờ tiền có đựng ma túy Ketamine rồi đổ lên mu bàn tay của C để sử dụng; còn H, B, H3 thấy có hít ma túy Ketamine trên mu bàn tay của mỗi người. H3 không thừa nhận việc bán ma túy cho B.

- Nguyễn Văn Tuấn A nhân viên phục vụ Bàn Vip10 khai nhận: khoảng 20 giờ 40 ngày 22/10/2023, thấy H3 là cộng tác viên của quán đồng thời là quản lý của quán B3 dẫn C, H1, H, B vào quán chơi, ngồi Bàn Vip10. Khách gọi combo bia, trái cây, bình S với giá 2.100.000 đồng, sau đó B đặt set 10 quả bóng cười giá 1.040.000 đồng rồi ngồi nhậu, tất cả chưa thanh toán. Khi ngồi nhậu, H1 nằm ngủ trong quán do say sấn, còn C, H, B thì ngồi chơi. Đến khoảng 00 giờ 00 ngày 23/10/2023, Công an vào kiểm tra quán, test ma túy khách dương tính và thu chất nghi vấn ma túy. Quá trình phục vụ, không thấy khách sử dụng ma túy, bản thân Tuấn A cũng không sử dụng ma túy.

- Lê Hồng P1 (Đứng tên chủ sở hữu B4, kiêm quản lý quán) khai nhận: Tối ngày 22/10/2023, H3 có dẫn khách gồm H1, C, B, H vào Bàn V ngồi nhậu. Bàn có đặt set bia, trái cây, S và bóng cười. Bàn vip 10 do H3 tiếp khách và phục vụ. P1 có hỏi H3 thanh toán tiền Bàn Vip10 thì H3 nói chơi xong rồi tính. P1 không biết Bàn Vip10 sử dụng ma túy. Khi được mời về trụ sở Công an phường B cùng nhân viên và khách để làm rõ sự việc thì H3 có đưa cho P1 1.500.000 đồng và ra dấu chỉ vào mọi người và chỉ vào miệng, P1 hiểu là dùng để mua đồ ăn uống cho mọi người.

Kết quả test ma túy: C, H, B dương tính với ma túy loại MDMA, MET; H3, H1, P1, Tuấn A âm tính.

Vật chứng vụ án: 01 (một) gói niêm phong vụ 2318 (11917), bên trong chứa gói thuốc lá hiệu SAIGON SILVER và 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone có số thuê bao 0909526356; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo có số thuê bao 0938774536; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung có số thuê bao 0345593939; 01 (một) thiết bị lưu trữ (USB) bên trong có 09 đoạn hình ảnh dữ liệu điện tử; 01 thiết bị lưu trữ hình ảnh camera; số tiền 1.500.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 41/CT-VKSTPTĐ ngày 02/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đã truy tố Nguyễn Quang B, Nguyễn Thị Ngọc C, Trương Ngọc H về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết là BLHS); truy tố Tăng Thiên H1 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 255 BLHS; truy tố Cao Thanh H2 về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 BLHS.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo Nguyễn Quang B, Nguyễn Thị Ngọc C, Trương Ngọc H, Tăng Thiên H1 và Cao Thanh H2 đều khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng, thừa nhận mình có tội như nội dung truy tố của Viện kiểm sát.

- Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến của phiên tòa, vẫn giữ nguyên nội dung truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quang B, Nguyễn Thị Ngọc C, Trương Ngọc H, Tăng Thiên H1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tuyên bố bị cáo Cao Thanh H2 phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát cho rằng các bị cáo Nguyễn Quang B, Nguyễn Thị Ngọc C, Trương Ngọc H, Tăng Thiên H1, Cao Thanh H2 trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; ngoài ra các bị cáo Nguyễn Quang B, Nguyễn Thị Ngọc C, Trương Ngọc H, Tăng Thiên H1 đều là những lao động chính trong gia đình, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu nên cần cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Vì những lẽ trên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Quang B từ 08 (tám) năm đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc C từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến

08 (tám) năm tù, xử phạt bị cáo Trương Ngọc H từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Tăng Thiên H1 từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù;

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Cao Thanh H2 từ 08 (tám) năm đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

+ Về vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định pháp luật.

- Các bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đều thừa nhận mình có tội, thống nhất với các hành vi phạm tội mà Viện kiểm sát truy tố và không có ý kiến đối với mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo.

- Lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình, thật sự ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét một cách toàn diện về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xem xét nhân thân và hoàn cảnh gia đình của từng bị cáo, từ đó cân nhắc áp dụng hình phạt với mức án khoan hồng để các bị cáo sớm có cơ hội sửa chữa sai lầm, trở về với gia đình, phấn đấu trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn công khai, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó các quyết định, hành vi tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trên cơ sở lời khai nhận tội của các bị cáo cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng thời gian từ 21 giờ 30 phút đến 00 giờ 00 phút ngày 23/10/2023, tại Bàn V thuộc Cơ sở kinh doanh B5 (số E đường Đ, Khu phố D, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh), các bị cáo Nguyễn Quang B, Nguyễn Thị Ngọc C, Trương Ngọc H, Tăng Thiên H1 đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của các bị cáo cụ thể như sau: Nguyễn Quang B là người cung cấp ma túy dạng thuốc lắc và dạng

khay để cho C và H sử dụng trái phép; Nguyễn Thị Ngọc C là người có hành vi đưa ma túy dạng thuốc lắc do B đưa cho H sử dụng trái phép, nhét thuốc lắc vào miệng của H1, nấu ma túy dạng khay, đổ ma túy lên mu bàn tay của H và B để cho H và B sử dụng trái phép; Trương Ngọc H là người có hành vi cung cấp tờ tiền 1.000 đồng để cho C nấu ma túy, đổ ma túy lên mu bàn tay của B và của H1 để cho B, C sử dụng trái phép; Tăng Thiên H1 là người có hành vi nói với H đổ ma túy lên mu bàn tay và H1 đưa tay lên mũi cho C sử dụng ma túy trái phép.

Như vậy, các bị cáo B, H, C đã có hành vi cùng nhau sử dụng và tổ chức cho 02 người khác sử dụng trái phép chất ma túy, do đó hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS với tình tiết định khung là “đối với 02 người trở lên”. Đối với bị cáo H1, khi H đổ ma túy lên mu bàn tay H1 thì H1 có hành vi đưa ma túy cho C sử dụng, ngoài ra H1 không có hành vi nào khác liên quan đến việc đưa chất ma túy vào cơ thể người khác một cách trái phép, do đó hành vi phạm tội của bị cáo H1 thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 255 BLHS.

Đối với Cao Thanh H2, mặc dù H2 biết B, H, C, H1 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy như nêu trên tại Bàn Vip10 thuộc trách nhiệm quản lý của mình nhưng H2 lại để mặc cho các bị cáo trên sử dụng trái phép chất ma túy, do đó hành vi trên của bị cáo H2 đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 BLHS với tình tiết định khung là “đối với 02 người trở lên”.

Với những phân tích trên cùng với lời khai nhận tội của các bị cáo, cho thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo phạm tội theo các khoản, điều luật như nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

Xét các bị cáo là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đều nhận thức được việc sử dụng, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội; hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Do đó, để đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung thì việc truy tố, xét xử và buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là cần thiết.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân của các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo B, C, H, H1, H2 đều thừa nhận hành vi phạm tội, thành

khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, do đó cần thiết cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, các bị cáo B, H, C, H1 đều là những lao động chính trong gia đình, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, do đó cần thiết cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Đối với bị cáo H2, mặc dù bị cáo là lao động chính, mẹ bị cáo cũng đã lớn tuổi, bị cáo đã được xóa án tích nên được xem là không có tiền án, tiền sự nhưng nhân thân bị cáo trước đây đã từng bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, do đó bị cáo không được xem xét cho hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 BLHS.

Căn cứ tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo cũng như mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội gây ra của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có mức hình phạt phù hợp, tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với: 01 (một) gói niêm phong vụ 2318 (11917), bên trong chứa gói thuốc lá hiệu SAIGON SILVER. Xét thấy đây là dụng cụ các bị cáo dùng để sử dụng trái phép chất ma túy, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với: 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng. Xét thấy đây tờ tiền do các bị cáo dùng làm dụng cụ để sử dụng trái phép chất ma túy nên tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone có số thuê bao 0909526356 (của bị cáo B), 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo có số thuê bao 0938774536 (của bị cáo H) và 01 (một) điện thoại di động hiệu S1 có số thuê bao 0345593939 (của bị cáo H1). Xét thấy, đây là tài sản riêng của các bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội và nghĩa vụ thi hành án, do đó cần giao trả lại cho các bị cáo theo quy định.

- Đối với: 01 (một) thiết bị lưu trữ (USB) bên trong có 09 đoạn hình ảnh dữ liệu điện tử. Xét đây là tài liệu của vụ án nên tiếp tục lưu trong hồ sơ theo quy định.

- Đối với: 01 (thiết bị) lưu trữ hình ảnh camera. Xét thấy đây là tài sản của ông Lê Hồng P1 (đứng tên chủ cơ sở Bamboo), các hình ảnh trong thiết bị đã được trích xuất và lưu trữ trong USB trong hồ sơ vụ án, do đó cần giao trả lại thiết bị này cho ông P1 theo quy định.

- Đối với: Số tiền 1.500.000 đồng. Quá trình điều tra xác định đây là số tiền thanh toán cho việc ăn uống tại Bàn Vip10 của cơ sở kinh doanh B5, số tiền này được các đối tượng tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra, xét số tiền này thuộc quyền sử dụng của cơ sở kinh doanh Bamboo, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần giao trả lại cho ông Lê Hồng P1 theo quy định.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Quang B, Nguyễn Thị Ngọc C, Trương Ngọc H phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Quang B** 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/11/2023.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc C** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/11/2023.

Xử phạt bị cáo **Trương Ngọc H** 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/11/2023.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Tuyên bố bị cáo Tăng Thiên H1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo **Tăng Thiên H1** 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/11/2023.

3. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Tuyên bố bị cáo Cao Thanh H2 phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo **Cao Thanh H2** 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/10/2024.

4. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

- Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 (một) gói niêm phong vụ 2318 (11917), bên trong chứa gói thuốc lá hiệu SAIGON SILVER.

- Tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 (một nghìn) đồng.

- Tuyên giao trả lại cho bị cáo Nguyễn Quang B: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone có số thuê bao 0909526356.

- Tuyên giao trả lại cho bị cáo Trương Ngọc H: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo có số thuê bao 0938774536.

- Tuyên giao trả lại cho bị cáo Tăng Thiên H1: 01 (một) điện thoại di động hiệu S1 có số thuê bao 0345593939.

- T5 giao trả lại cho ông Lê Hồng P1 (sinh năm 1994; địa chỉ: 1 đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh): 01 (thiết bị) lưu trữ hình ảnh camera; số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 40/PNK ngày 29/3/2024 của Cơ quan điều tra Công an thành phố T và Biên bản giao nhận tang tài vật số 135C ngày 06/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Phiếu thu số CTGS: 001, số: 01 ngày 06/01/2025 của Công an Q; Mã đơn vị có QHNS: 1053629).

- Tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án: 01 (một) thiết bị lưu trữ (USB) bên trong có 09 đoạn hình ảnh dữ liệu điện tử.

5. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 1430/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Buộc các bị cáo: Nguyễn Quang B, Nguyễn Thị Ngọc C, Trương Ngọc H, Tăng Thiên H1, Cao Thanh H2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Các bị cáo: Nguyễn Quang B, Nguyễn Thị Ngọc C, Trương Ngọc H, Tăng Thiên H1, Cao Thanh H2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Phòng PV06, PC10 - Công an TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án hình sự;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án (Đ-K.Anh) 40.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Danh Đồi